TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2018
V/v:*"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Minh Phấn và Bà Phạm Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải *tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Trung Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 284/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2017 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T- sinh năm: 1991 (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Đ - sinh năm: 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố KP 2, thị trấn KH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Trần Đ tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn KH, huyện NH vào ngày 12/9/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì tính cách và quan điểm sống không phù hợp. Vợ chồng thường xuyên gây gỗ, xô xát nhau. Ông Đ lại có tính ghen tuông, không cho bà tiếp xúc với người khác. Vợ chồng sống cùng cha mẹ ruột của bà nhưng ông Đ không hề tôn trọng, thường xuyên chửi cha mắng mẹ bà. Ngoài ra ông Đ còn hành hung bà và đập phá đồ đạc trong nhà nhiều lần, phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Trước đây bà nộp đơn xin ly hôn rất nhiều lần với ông Đ nhưng do ông năn nỉ nên bà mới rút đơn. Bà đã chịu đựng tình cảnh khổ sở như vậy trong vòng ba năm nay. Đến nay bà không còn tình cảm với ông Đ nên đề nghị Tòa án cho bà ly hôn với ông Trần Đ để trả tự do cho hai bên.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung là Trần Thái Q, sinh 26/7/2008 và Trần Thái N, sinh 17/02/2016. Hiện nay, ông Đ đang chăm sóc cháu N.

Vì cháu N còn quá nhỏ nên bà yêu cầu ông Đ giao cho bà chăm sóc nuôi dưỡng. Bà sẽ nuôi hai cháu mà không cần ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2018 và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Đ trình bày: Về thời điểm đăng ký kết hôn và con chung đúng như lời trình bày của bà T. Bà T ở nhà nuôi con nhỏ, không làm việc gì năng nhọc nhưng lại không chăm lo cho chồng và con. Mặc dù vợ chồng có nhiều lần to tiếng cải vã nhau nhưng chưa đến mức nghiêm trọng như lời của bà T. Nếu bà T đề nghị ly hôn, ông đồng ý. Hiện nay, ông dẫn cháu Trần Thái N về lại KC 2 sinh sống, ông muốn được chăm sóc cháu N, bà Thúy sẽ chăm sóc cháu Q. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về nội dung vụ án:* Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ được kết hợp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nhiều lần ông Đ có hành vi bạo lực với bà T và phải nhờ Công an thị trấn KH can thiệp nhiều lần. Hiện nay vợ chồng đã không sống chung với nhau. Xét thấy ông Đ không còn tình cảm với bà T và cũng đồng ý ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị T.

[2] *Về tài sản chung, nợ chung* : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Trần Thái N sinh 17/02/2016, chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu lại mang bệnh bạch cầu bẩm sinh nên cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp từ mẹ. Xét điều kiện về chỗ ở của ông Trần Đ tại khu phố KC 2, thị trấn KH, huyện NH chưa đảm bảo. Bên cạnh đó ông Đ đi làm phụ hồ nên bà nội cháu N là người trực tiếp chăm sóc cháu. Vì vậy cần thiết buộc ông Đ giao cháu Trần Thái N cho bà T chăm sóc. Bà T có nghĩa vụ chăm sóc hai cháu Trần Thái N và Trần Thái Q. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]*Về án phí*: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn luôn chấp hành pháp luật. Về nội dung vụ án: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao hai cháu Trần Thái N và Trần Thái Q cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn là ông Trần Đ.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Bà T có nghĩa vụ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Thái N, sinh ngày 17/02/2016 và Trần Thái Q sinh ngày 26/7/2008. Ông Trần Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Về án phí*:* Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000^{đ} *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000^{đ} *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012137 ngày 25/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hằng